ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 419 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 11năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới; Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2026 *(sau đây gọi tắt là Chiến lược)*; Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 51-KL/TW (*sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động của Chính phủ*); trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 200/TTr-SKHCN ngày 23/10/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt và tổ chức thực hiện thống nhất, hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sở hữu trí tuệ; từng bước đưa sở hữu trí tuệ trở thành nguồn lực và công cụ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế của tỉnh.

b) Nâng cao hiệu quả tạo lập, xác lập, quản lý, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; gắn hoạt động sở hữu trí tuệ với phát triển sản phẩm, doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường.

c) Phát huy giá trị tài sản trí tuệ của địa phương, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu, tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các sản phẩm có lợi thế sau sắp xếp địa giới hành chính.

2. Yêu cầu

a) Bám sát Kết luận số 51-KL/TW, Quyết định số 1068/QĐ-TTg, Quyết định số 1624/QĐ-TTg, Nghị quyết số 282/NQ-CP và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm thống nhất với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án của tỉnh.

b) Xác định rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ và kết quả thực hiện; bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tránh chồng chéo, trùng lặp.

c) Ưu tiên lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ sở hữu trí tuệ trong các chương trình, kế hoạch, đề án đang triển khai; sử dụng hiệu quả nguồn lực, cơ sở dữ liệu và nền tảng số hiện có.

d) Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện; tăng cường kiểm tra, theo dõi, đánh giá và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển đồng bộ hệ thống sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh từ tạo lập, xác lập, quản lý, khai thác, thương mại hóa đến tổ chức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao giá trị sản phẩm, dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu Chính phủ giao cho địa phương trong triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và Nghị quyết số 282/NQ-CP.

b) Tăng số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng, quyền tác giả và quyền liên quan; góp phần cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII).

Phấn đấu số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng bình quân khoảng 10%/năm; khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nghiên cứu, hoàn thiện giải pháp kỹ thuật và đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích; từng bước nâng cao số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích qua các năm. Tăng cường hỗ trợ khai thác, ứng dụng và thương mại hóa các đối tượng sở hữu trí tuệ có tiềm năng.

c) Nâng cao hiệu quả khai thác, thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học tham gia chuyển giao, li-xăng, góp vốn và phát triển thị trường quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

d) Bảo đảm 100% sản phẩm OCOP có nhu cầu, đáp ứng điều kiện bảo hộ (và có chủ thể đăng ký, đề nghị) được hướng dẫn, tư vấn và xem xét hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo quy định; ưu tiên các sản phẩm OCOP 4 - 5 sao, sản phẩm chủ lực, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu, sản phẩm của hợp tác xã, làng nghề, làng nghề truyền thống.

đ) Ưu tiên quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ gắn với các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chủ lực của tỉnh sau sắp xếp địa giới hành chính, trong đó chú trọng Sâm Ngọc Linh và các sản phẩm từ sâm, quế Trà Bồng, tỏi Lý Sơn, dược liệu, cà phê, sản phẩm nông - lâm - thủy sản, sản phẩm du lịch và các sản phẩm OCOP có tiềm năng thị trường.

e) Bảo đảm 100% vụ việc có căn cứ về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định; tăng cường phối hợp xử lý vi phạm trên môi trường số, thương mại điện tử và đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Triển khai chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sở hữu trí tuệ; kịp thời cụ thể hóa các chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp theo Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; ưu tiên sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm của hợp tác xã, làng nghề, làng nghề truyền thống và sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu.

c) Lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ trong các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sản phẩm chủ lực, phát triển ngành, lĩnh vực và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh khi phù hợp.

d) Đẩy mạnh hỗ trợ khai thác tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; khuyến khích xác lập, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu có tiềm năng ứng dụng.

đ) Chủ động rà soát khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hoàn thiện chính sách, pháp luật theo quy định.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

a) Rà soát, củng cố đầu mối thực hiện nhiệm vụ sở hữu trí tuệ tại các cơ quan, đơn vị; tăng cường phối hợp liên ngành trong quản lý, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ.

b) Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn nộp đơn, tra cứu và tiếp cận thông tin sở hữu trí tuệ; rà soát, chuẩn hóa, số hóa dữ liệu sở hữu trí tuệ của tỉnh, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu, nền tảng chuyên ngành của Trung ương khi đủ điều kiện.

c) Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin sáng chế, bản đồ công nghệ và các chỉ số về sở hữu trí tuệ phục vụ quản lý, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và định hướng nghiên cứu, đổi mới công nghệ.

d) Khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số trong tra cứu, quản lý dữ liệu, hỗ trợ xác lập quyền và phát hiện, cảnh báo nguy cơ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

đ) Rà soát nhu cầu, tham mưu bố trí, kiện toàn nhân lực thực hiện nhiệm vụ sở hữu trí tuệ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, chuyên gia và đầu mối hỗ trợ sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

e) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ theo chức năng, thẩm quyền; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

3. Tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng thực thi, cơ quan tư pháp và chủ thể quyền; đơn giản hóa, minh bạch hóa quy trình phối hợp, nâng cao chất lượng, hiệu quả và rút ngắn thời gian xử lý vụ việc theo quy định.

b) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ; chú trọng môi trường kỹ thuật số, thương mại điện tử, mạng xã hội, nền tảng số, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các hành vi có yếu tố xuyên biên giới; nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, chủ quản nền tảng số theo quy định pháp luật.

c) Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo Nghị quyết số 397/NQ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Công điện số 38/CĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; khuyến khích chủ thể quyền chủ động bảo vệ quyền và giải quyết tranh chấp bằng các phương thức phù hợp theo quy định pháp luật.

d) Tăng cường quản lý, bảo vệ bí mật kinh doanh, dữ liệu chiến lược, công nghệ nguồn, công nghệ lõi và sáng chế thuộc bí mật nhà nước; phòng ngừa chuyển giao trái phép công nghệ quan trọng; chủ động phát hiện, cảnh báo nguy cơ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố xuyên biên giới, gắn bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các công cụ phù hợp để hỗ trợ giám sát, phát hiện, cảnh báo, truy vết và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số, thương mại điện tử và không gian mạng; rà soát, nâng cấp hạ tầng số, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống chuyên ngành của Trung ương theo quy định; chủ động nghiên cứu, xây dựng phương án ứng phó với nguy cơ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

e) Thiết lập cơ chế hợp tác, đối thoại, chia sẻ thông tin giữa cơ quan thực thi với doanh nghiệp, hiệp hội và chủ thể quyền; tăng cường phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước, Công an, Hải quan, Quản lý thị trường, Tòa án, Viện Kiểm sát trong phát hiện, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhất là các vấn đề phát sinh trong thương mại quốc tế.

4. Thúc đẩy các hoạt động tạo ra các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường cung cấp thông tin, công cụ tra cứu, phân tích sáng chế và bản đồ công nghệ; hướng dẫn viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đánh giá khả năng bảo hộ và xác lập quyền sở hữu trí

tuệ đối với kết quả nghiên cứu, công nghệ, sản phẩm mới trước hoặc đồng thời với việc công bố, chuyển giao và đưa ra thị trường.

b) Khuyến khích sử dụng các chỉ số về sở hữu trí tuệ trong đánh giá kết quả nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, chú trọng xác định, tạo lập và bảo hộ các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ có khả năng hình thành, gắn với yêu cầu ứng dụng và khai thác kết quả.

c) Tăng cường liên kết giữa viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp với doanh nghiệp trong nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản phẩm, dịch vụ; ưu tiên các lĩnh vực có lợi thế, công nghệ nguồn, công nghệ lõi và công nghệ chiến lược phù hợp định hướng phát triển của tỉnh.

d) Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ; thúc đẩy ứng dụng sáng chế, thiết kế bố trí và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh; tăng cường liên kết giữa chủ thể quyền với doanh nghiệp để phát triển sản phẩm, dịch vụ theo chuỗi giá trị và nâng cao giá trị gia tăng.

đ) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, từng bước đưa các tiêu chí, chỉ số về tạo lập, bảo hộ, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ vào xác định, đánh giá và nghiệm thu nhiệm vụ phù hợp với tính chất, mục tiêu của từng nhiệm vụ; khuyến khích gắn nghiên cứu với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, ứng dụng và thương mại hóa kết quả.

e) Khuyến khích xây dựng môi trường, không gian hỗ trợ sáng tạo, nghiên cứu và phát triển tại các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu cơ chế khuyến khích, tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong sáng tạo, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ theo quy định.

g) Hướng dẫn doanh nghiệp tạo dựng, quản lý và khai thác hiệu quả nhãn hiệu, chỉ dẫn thương mại; hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể có tiềm năng trong nước và nước ngoài; khuyến khích đăng ký, sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" gắn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và thương hiệu sản phẩm.

5. Khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác quyền sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học xây dựng chiến lược, quản trị danh mục quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy chuyển giao, li-xăng, góp vốn và các hình thức khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

b) Lồng ghép hoạt động tạo lập, khai thác, bảo vệ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ vào các chương trình, kế hoạch phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, làng nghề, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử và xuất khẩu. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp tại các địa bàn có lợi thế về công

nghiệp, kinh tế biển, khu kinh tế, khu công nghiệp quản trị, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ gắn với công nghệ, thiết kế, nhãn hiệu và chuỗi giá trị.

c) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài; tăng cường cung cấp thông tin, cảnh báo và phòng ngừa rủi ro mất quyền, tranh chấp, xâm phạm quyền tại các thị trường mục tiêu.

d) Phối hợp triển khai Đề án phát triển thị trường quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy tài chính hóa quyền sở hữu trí tuệ sau khi được phê duyệt; rà soát, đề xuất các quyền sở hữu trí tuệ có tiềm năng tham gia hoạt động thí điểm xác định giá trị, định giá và thương mại hóa theo chương trình của Trung ương. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9 và các tổ chức tín dụng trên địa bàn nghiên cứu, đề xuất giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn dựa trên giá trị quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật; góp phần hoàn thiện cơ chế định giá, khai thác và giao dịch quyền sở hữu trí tuệ, nhất là quyền sở hữu trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

đ) Tăng cường kết nối cung - cầu công nghệ, xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp khai thác giá trị kinh tế của quyền sở hữu trí tuệ; khuyến khích áp dụng các mô hình quản trị sở hữu trí tuệ hiện đại trong tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

e) Tăng cường khai thác thông tin sáng chế, công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ tại Việt Nam theo quy định; quản lý, khai thác hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phù hợp, góp phần phát triển sản phẩm có thế mạnh của tỉnh.

6. Phát triển các hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ

a) Phát triển mạng lưới tổ chức, chuyên gia cung cấp dịch vụ tư vấn, tra cứu thông tin, xác lập, quản trị, định giá, chuyển giao và khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

b) Tăng cường kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học và công nghệ với các tổ chức dịch vụ sở hữu trí tuệ có đủ điều kiện; nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ.

c) Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị, định giá, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và các chủ thể có liên quan.

d) Phát huy vai trò của hiệp hội, hội nghề nghiệp, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo trong hỗ trợ xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

7. Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động sở hữu trí tuệ

a) Rà soát, đánh giá nhu cầu và năng lực nhân lực sở hữu trí tuệ tại cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực thi quyền, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng, ưu tiên phát triển nhân lực chuyên sâu và chất lượng cao.

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng hoặc cử công chức, viên chức, lực lượng thực thi và các đầu mối liên quan tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về xác lập, quản lý, bảo vệ, quản trị, định giá và khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ; chủ động tham gia các chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về sở hữu trí tuệ của Trung ương khi được triển khai.

c) Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo và tổ chức chuyên môn trên địa bàn phối hợp xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ; chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia, tư vấn viên về quản trị và khai thác tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

8. Hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông hằng năm về sở hữu trí tuệ; tăng cường tuyên truyền thường xuyên trên báo chí, cổng/trang thông tin điện tử, nền tảng số, hoạt động văn hóa - nghệ thuật và hệ thống truyền thông cơ sở nhằm nâng cao nhận thức, khuyến khích đổi mới sáng tạo, hình thành ý thức tôn trọng, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Chú trọng giới thiệu các mô hình, điển hình, kết quả nổi bật trong sáng tạo, bảo hộ, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ; phổ biến chính sách, pháp luật và nâng cao nhận thức về phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

b) Phối hợp triển khai các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, nhất là cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ, kỹ năng quản trị và khai thác tài sản trí tuệ vào chương trình đào tạo phù hợp với thẩm quyền và hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

c) Lồng ghép kiến thức, kỹ năng về sở hữu trí tuệ trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về khởi nghiệp sáng tạo; tăng cường tập huấn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP, hộ kinh doanh, cá nhân sáng tạo và cán bộ đầu mối tại cơ sở, phù hợp với nhu cầu và đặc thù của từng nhóm đối tượng.

d) Xây dựng, triển khai cơ chế tôn vinh, khen thưởng hằng năm đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; lồng ghép phù hợp trong Giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh và công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

đ) Từng bước lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ vào hoạt động giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương; chú trọng trang bị kiến thức, kỹ năng về sáng tạo, bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp và sử dụng hợp pháp tài sản trí tuệ; tăng cường phòng ngừa, kiểm soát hành vi sao chép, đạo văn và các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường giáo dục, đào tạo.

9. Chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với cơ quan Trung ương, tổ chức quốc tế, tổ chức sở hữu trí tuệ, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, tổ chức hỗ trợ doanh

nghiệp trong và ngoài nước theo quy định; ưu tiên các hoạt động nâng cao năng lực, chia sẻ thông tin, phát triển nguồn nhân lực, bảo hộ và khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ.

b) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tiếp cận thông tin, khai thác các cơ chế và hệ thống đăng ký quốc tế phù hợp để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại thị trường nước ngoài; lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ trong hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và hỗ trợ xuất khẩu, nhất là đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng và sản phẩm có tiềm năng phát triển thị trường quốc tế.

c) Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp tham gia các diễn đàn, chương trình, mạng lưới hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ phù hợp với quy định; tăng cường hợp tác, trao đổi tri thức, kinh nghiệm và tiếp cận nguồn lực quốc tế, bảo đảm hợp tác có chọn lọc, gắn với nâng cao năng lực tự chủ, tự lực, tự cường và lợi ích của tỉnh, quốc gia.

d) Chủ động cập nhật, phổ biến thông tin về các cam kết, tiêu chuẩn và yêu cầu quốc tế về sở hữu trí tuệ có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu của doanh nghiệp; phối hợp triển khai các giải pháp bảo hộ, quản trị và khai thác quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình tiếp nhận, chuyển giao công nghệ và tham gia chuỗi giá trị quốc tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

(Danh mục nhiệm vụ ưu tiên thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các chương trình có liên quan; nguồn tài trợ, đóng góp của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp theo quy định. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 phù hợp với Kế hoạch này và tình hình thực tế của tỉnh.

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án có liên quan; chủ trì hoặc

phối hợp triển khai các nhiệm vụ về sở hữu công nghiệp, phát triển tài sản trí tuệ theo chức năng, nhiệm vụ.

d) Chủ trì tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết những nội dung vượt thẩm quyền.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cơ chế tôn vinh, khen thưởng về sở hữu trí tuệ; rà soát nhu cầu nhân lực chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

e) Hằng năm, định kỳ tổng hợp, đánh giá, tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 282/NQ-CP gửi cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định; phối hợp lồng ghép các nhiệm vụ, nội dung về sở hữu trí tuệ trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, triển khai các nội dung về xác định giá trị, định giá, giao dịch và tài chính hóa quyền sở hữu trí tuệ theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, khai thác tài sản trí tuệ.

3. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, xuất khẩu gắn với phát triển sản phẩm, doanh nghiệp và ngành công nghiệp có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo thẩm quyền.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan và phát triển công nghiệp văn hóa theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ quản lý và phát hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số theo hướng dẫn, hệ thống của cơ quan Trung ương.

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hướng dẫn tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức về xác lập, quản lý, bảo vệ và khai thác quyền tác giả, quyền liên quan; phối hợp hỗ trợ khai thác giá trị tài sản trí tuệ trong phát triển các sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa của tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì các nội dung liên quan đến quyền đối với giống cây trồng; phối hợp phát triển chỉ dẫn địa lý, nguồn gen, sản phẩm OCOP và sản phẩm nông nghiệp chủ

lực; phối hợp quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo chức năng, nhiệm vụ.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong rà soát, bảo tồn, quản lý và khai thác hợp pháp tri thức truyền thống, nguồn gen, giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc thiểu số gắn với sản phẩm đặc trưng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng.

7. Công an tỉnh

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, điều tra, đấu tranh và xử lý vi phạm, tội phạm về sở hữu trí tuệ theo chức năng, thẩm quyền; phối hợp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên không gian mạng, bảo vệ bí mật, công nghệ quan trọng và xử lý các vụ việc có yếu tố xuyên biên giới.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì triển khai việc lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ trong chương trình giáo dục theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương; tăng cường phòng, chống sao chép, đạo văn trong hoạt động giáo dục; phối hợp nâng cao nhận thức, năng lực sở hữu trí tuệ trong hệ thống giáo dục.

9. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cơ chế tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ; Phối hợp rà soát, tổng hợp và tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn đến năm 2030 đối với công tác bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng kỹ năng quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ cho cán bộ, công chức các cấp; tham mưu, hướng dẫn đảm bảo biên chế, bố trí nhân sự đảm nhiệm việc thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ tại cơ sở.

10. Sở Tư pháp

Phối hợp rà soát, kiến nghị hoàn thiện pháp luật có liên quan đến sở hữu trí tuệ; phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật về sở hữu trí tuệ và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ.

11. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các hoạt động hợp tác, hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ; lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ trong hoạt động đối ngoại và xúc tiến hợp tác quốc tế của tỉnh.

12. Thanh tra tỉnh

Phối hợp với các cơ quan liên quan trong thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ theo chức năng, thẩm quyền và quy định của pháp luật.

13. Chi cục Hải quan khu vực XII

Tăng cường kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm

quyền sở hữu trí tuệ; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Công Thương, chủ thể quyền và các cơ quan liên quan trong trao đổi thông tin, xác minh và xử lý vụ việc có yếu tố xuyên biên giới theo quy định.

14. Các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tăng cường thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật và các hoạt động sở hữu trí tuệ; giới thiệu mô hình, điển hình tiên tiến và kết quả nổi bật trong sáng tạo, bảo hộ, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ.

15. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến Kết luận số 51-KL/TW, Nghị quyết số 282/NQ-CP và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; lồng ghép nội dung về sở hữu trí tuệ vào các chương trình, kế hoạch, đề án thuộc ngành, lĩnh vực quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế.

c) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

16. Các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh

Phối hợp triển khai giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ; khuyến khích rà soát, xác lập, quản trị và khai thác quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; tăng cường liên kết với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trong đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

17. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ; rà soát nhu cầu hỗ trợ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP, làng nghề và sản phẩm đặc trưng trên địa bàn.

b) Phối hợp quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm đặc trưng của địa phương; phát hiện, tiếp nhận và chuyển thông tin về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đến cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, lập danh mục sản phẩm, nghề truyền thống, tri thức truyền thống và tài sản trí tuệ có tiềm năng của địa phương để xem xét đưa vào kế hoạch hỗ trợ hằng năm.

18. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các cơ chế, chính sách tín dụng có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; phối hợp với cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ về tài chính hóa quyền sở hữu trí tuệ thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao khi có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

19. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

Phối hợp trong xử lý các vụ việc, vụ án về sở hữu trí tuệ theo chức năng, thẩm quyền; chia sẻ thông tin, số liệu phục vụ đánh giá tình hình thực thi quyền sở hữu trí tuệ và tham gia cơ chế phối hợp liên ngành khi có yêu cầu.

20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và Nhân dân nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; phát hiện, giới thiệu mô hình, sáng kiến, sản phẩm có tiềm năng; phối hợp hỗ trợ đào tạo, tư vấn và phát triển tài sản trí tuệ.

Định kỳ hằng năm, trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, phối hợp hướng dẫn, xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 946/KH-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Chi cục Hải quan khu vực XII;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh;
- Các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP, CNXD;
- Lưu: VT, KGVX.PTT779

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 51-KL/TW TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Chương trình được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung; báo cáo kết quả hằng năm	Sau khi Chính phủ sửa đổi, bổ sung
2	Tổ chức thực hiện công tác truyền thông chính sách; tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; các chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động của Trung ương về sở hữu trí tuệ bằng các hình thức phù hợp, thiết thực, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, nền tảng số và các phương tiện truyền thông trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan báo chí, truyền thông và tổ chức có liên quan.	Các tin, bài, chuyên trang, chuyên mục, tài liệu tuyên truyền; hội nghị, hội thảo, tập huấn; sản phẩm truyền thông số và các hình thức phổ biến chính sách về sở hữu trí tuệ phù hợp.	2027-2030

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ, công chức thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức có liên quan.	Các chương trình, tài liệu bồi dưỡng; hội nghị, lớp tập huấn; kết quả cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ, công chức.	2027-2030
4	Triển khai thực hiện Đề án phát triển thị trường quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy tài chính hóa quyền sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai của tỉnh; báo cáo kết quả	Sau khi Đề án được phê duyệt
5	Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về phát triển sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ, dự án được phê duyệt, triển khai	2027 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
6	Phối hợp xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về tài sản quyền tác giả, quyền liên quan và hệ thống phần mềm quản lý, phát hiện vi phạm trên môi trường số, mạng internet	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu, phần mềm được đưa vào vận hành	Phối hợp xây dựng đến Quý II/2027; triển khai sau khi được phê duyệt
7	Triển khai thực hiện Đề án tăng cường hoạt động sở hữu trí tuệ của cơ sở giáo dục đại học	Các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai của các cơ sở giáo dục đại học	Sau khi Đề án được phê duyệt
8	Triển khai thực hiện Đề án phát triển một số ngành công nghiệp có mức độ sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cao	Sở Công Thương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả	Sau khi Đề án được phê duyệt

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
9	Triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực của cơ quan quản lý thị trường trong xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực XII; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả	Sau khi Đề án được phê duyệt
10	Triển khai thực hiện Đề án nâng cao hiệu lực, hiệu quả bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên không gian mạng	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; Sở Tài chính; Chi cục Hải quan khu vực XII; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả	Sau khi Đề án được phê duyệt
11	Triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; báo cáo kết quả	Sau khi Đề án được phê duyệt

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
12	Tổ chức quán triệt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sở hữu trí tuệ và Kết luận số 51-KL/TW, Nghị quyết số 282/NQ-CP	Các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hội nghị/văn bản quán triệt; kế hoạch truyền thông; chuyên mục, sản phẩm truyền thông	Quán triệt: truyền thông: hằng năm
13	Triển khai cơ chế tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tạo lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Các sở, ban, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ.	Văn bản/quyết định khen thưởng	Hằng năm
14	Lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ trong xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm và các chương trình, đề án của tỉnh, ngành, lĩnh vực	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án có chỉ tiêu, nhiệm vụ về SHTT	Theo kỳ xây dựng quy hoạch, kế hoạch
15	Triển khai lộ trình lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ vào chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kiểm soát sao chép, đạo văn trong học thuật	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ sở giáo dục đại học	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả hằng năm	Từ năm 2027 (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
16	Rà soát, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật liên quan; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về sở hữu trí tuệ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và người dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan.	Văn bản góp ý, kiến nghị gửi Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2027
17	Ứng dụng công nghệ có chức năng giám sát, phát hiện, cảnh báo hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan	Công cụ, quy trình phối hợp	Từ năm 2028 (sau khi có hướng dẫn của Bộ công an)
18	Thiết lập cơ chế hợp tác, đối thoại, chia sẻ thông tin giữa cơ quan thực thi với doanh nghiệp, chủ thể quyền; xây dựng kế hoạch phối hợp liên ngành bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và ứng phó các vấn đề thực thi phát sinh trong thương mại quốc tế	Các sở, ban, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Sở Công Thương; Chi cục Hải quan khu vực XII; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Quy chế/kế hoạch phối hợp được ban hành; hội nghị đối thoại với doanh nghiệp	Hằng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
19	Tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật	Các sở, ban, ngành liên quan	Thanh tra tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên đề; báo cáo kết quả xử lý vi phạm	Hằng năm
20	Kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn việc chuyển giao công nghệ trái phép ra nước ngoài; bảo vệ bí mật kinh doanh, công nghệ quan trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực XII; Sở Công Thương; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Hằng năm
21	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các cơ chế, chính sách tín dụng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng phục vụ khai thác, thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các tổ chức tín dụng trên địa bàn; các cơ quan, đơn vị liên quan.	Văn bản chỉ đạo, triển khai theo thẩm quyền; báo cáo kết quả thực hiện, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.	Theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tiến độ triển khai các cơ chế, chính sách có liên quan